

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HS-ST

Ngày: 04 - 02 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tăng Giàu

*Các Hội thẩm N dân:* Ông Nguyễn Thanh Tiền và bà Trần Thị Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Quốc Đại, Thư ký Tòa án N dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Lê Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2020/TLST-HS, ngày 26 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Thị T (tên gọi khác: Sử dụng họ tên giả Nguyễn Thị Kim N), sinh năm 1988; tại Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: Xóm G, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N, sinh năm 1955 và bà Võ Thị T, sinh năm 1958; có chồng là Mai Cà M, sinh năm 1988; sống C như vợ chồng và có con C với anh Kha Thanh C, sinh năm 1988; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; N thân: Chưa tiền án, tiền sự; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2020 đến ngày 11/8/2020 áp dụng biện pháp bảo lãnh cho đến nay (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Kha Thanh C, sinh năm 1988 (vắng mặt);

2. Bà Lê Thị A, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú Xóm G, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Trần Văn N, sinh năm 1955 (có mặt);

4. Anh Trần Văn T, sinh năm 1985 (có mặt);

5. Anh Mai Cà M, sinh năm 1988 (có mặt);

Cùng nơi cư trú Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Thị T đã đăng ký kết hôn với anh Mai Cà M vào năm 2007 và có 02 người con C. Đến ngày 18/11/2017 do bị cáo và anh M xảy ra mâu thuẫn nên bị cáo bỏ chồng, con đi đến Thành phố Hồ Chí Minh và gặp được anh Kha Thanh C, C sống như vợ chồng với anh C và có 01 người con C. Do bị cáo bị mất một số giấy tờ như giấy chứng minh N dân và sổ hộ khẩu, lúc này bị cáo nảy sinh ý định che dấu thân phận trước đây của mình nhằm để kết hôn với anh C, làm giấy khai sinh cho con C của bị cáo với anh C là Kha Thanh D và xin đi làm thuê nên bị cáo đã lần lượt làm giả nhiều giấy tờ cụ thể như sau:

Giấy tờ giả thứ nhất: Một Giấy chứng minh N dân mang số: 385299037, họ tên: Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/11/1993, nguyên quán: Bạc Liêu; nơi đăng ký thường trú: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, do Giám đốc Công an tỉnh Bạc Liêu Lê Tấn Tới ký cấp ngày 12/11/2018 (bản chính), cụ thể như sau: Với mục đích làm giấy tờ giả như trên nên vào khoảng tháng 10 đến tháng 11/2018 bị cáo dùng điện Thoại di động tra cứu trên Google với nội dung “tìm mua giấy chứng minh N dân giả” thì trên Google hiện thị trang Web nhận đặt làm giấy chứng minh N dân giả và hiển thị số điện Thoại để liên hệ (bị cáo không nhớ rõ tên trang web và số điện Thoại), sau đó bị cáo dùng số điện Thoại của bị cáo là 0937.463.283 gọi vào số điện Thoại của trang web thì có người nghe điện Thoại và yêu cầu bị cáo kết bạn qua ứng dụng Zalo theo số điện Thoại mà bị cáo vừa gọi (bị cáo không nhớ rõ tên Zalo của người này). Trong quá trình trao đổi thì người này nhận làm giấy chứng minh N dân giả với giá 2.500.000 đồng. Bị cáo cung cấp tên là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/11/1993, hộ khẩu thường trú Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, bị cáo chụp ảnh chân dung và ảnh đường vân gửi qua ứng dụng Zalo theo yêu cầu của người làm, bị cáo và người đó thỏa thuận sẽ nhận Giấy chứng minh N dân giả qua đường bưu điện và thanh toán tiền với N viên bưu điện. Khoảng 03 đến 04 ngày sau bị cáo nhận được giấy chứng minh N dân giả mang số 385299037 và trả số tiền 2.500.000 đồng cho N viên giao hàng. Từ đó bị cáo đã sử dụng Giấy chứng minh N dân giả mang số 385299037 với tên giả là Nguyễn Thị Kim N.

Giấy tờ giả thứ hai: Một Sổ hộ khẩu mang số seri: 035611483, chủ hộ Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/11/1993, nơi thường trú Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có đóng con dấu tròn đỏ của Công an xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; có chữ ký của Phó trưởng Công an xã A là Nguyễn Văn Hoàng và chữ ký của cán bộ đăng ký là Nguyễn Lê Bích; ngày ký cấp: 11/8/2019.

Sau khi bị cáo T sinh con là Kha Thanh Duy, do Bệnh viện Từ Dũ yêu cầu bị cáo T cung cấp Sổ hộ khẩu và Giấy chứng minh N dân của người mẹ mới cấp Giấy chứng sinh nên bị cáo nảy sinh ý định tiếp tục làm giả Sổ hộ khẩu. Vào khoảng 18 giờ ngày 18/8/2019 bị cáo nói với anh C là về quê làm giấy tờ nên bị cáo đi xe khách từ tỉnh Đồng Nai đến tỉnh Cà Mau, đến khoảng 20 giờ cùng ngày bị cáo tiếp tục dùng điện Thoại di động lên Google tìm thì có một trang Web nhận làm và có hiển thị số điện Thoại Tại 0904.552.700, bị cáo dùng điện Thoại gọi vào số điện Thoại trên thì có người nam nghe điện Thoại tự nhận là tên Hoàng, nhận làm Sổ hộ

khẩu giả. Bị cáo và Hoàng trao đổi giá làm Sổ hộ khẩu là 5.000.000 đồng, bị cáo cung cấp thông tin tên chủ hộ Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/11/1993, nơi thường trú Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Đến khoảng 22 giờ ngày 19/8/2019 có một người thanh niên đến gặp bị cáo và giao cho bị cáo một Sổ hộ khẩu giả mang số seri: 035611483, có đóng con dấu tròn đỏ của Công an xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; có chữ ký của Phó trưởng Công an xã A là Nguyễn Văn Hoàng và chữ ký của cán bộ đăng ký là Nguyễn Lê Bích. Ngày ký cấp 11/8/2019. Do trên sổ hộ khẩu chưa có ghi phần thông tin của chủ hộ nên bị cáo T tự điền những thông tin còn thiếu vào trong Sổ hộ khẩu giả này. Đến ngày 20/8/2019 bị cáo cầm Sổ hộ khẩu giả trên đi đến Công an xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tự nhận mình tên là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/11/1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và xin Công an xã A giới thiệu làm Giấy chứng minh N dân. Tại đây, Công an xã A kiểm tra phát hiện Sổ hộ khẩu này là giả nên thu giữ và chuyển Cơ quan điều tra Công an huyện Đ để điều tra theo thẩm quyền.

Giấy tờ giả thứ ba: Một Sổ hộ khẩu số 540076739, họ và tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/11/1993; nguyên quán và nơi cư trú Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu do Trưởng Công an tỉnh Bạc Liêu Đại úy Trần Thái M ký ngày 18/8/2019.

Giấy tờ giả thứ tư: Một Giấy chứng sinh số: 066638; quyền số 18/109; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Kim N; sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Giấy chứng minh N dân cấp ngày 12/11/2018; nơi cấp: Công an tỉnh Bạc Liêu; đã sinh con vào lúc 22 giờ 15 phút ngày 21/8/2018 tại Bệnh viện Từ Dũ; do Giám đốc Bệnh viện Từ Dũ Thành phố Hồ Chí Minh là Lương Thị Kim Cúc ký cấp ngày 31/8/2018.

Giấy tờ giả thứ năm: Một Giấy xác nhận tình trạng hôn N số: 65/UBND-XNTTHN, ngày 25/11/2019 của Ủy ban N dân xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, nhưng ở mục “NGƯỜI KÝ GIẤY XÁC NHẬN” lại do Phó Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu ký tên Tô Minh Đường và đóng dấu tròn của UBND huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Nội dung xác nhận cho Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/11/1993; số giấy CMND: 385299037, do Công an tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 12/11/2018; nơi cư trú Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu chưa đăng ký kết hôn với ai, hiện sống độc thân.

Quá trình làm giả 03 giấy tờ nêu trên như sau: Trong thời gian Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đang làm rõ vụ việc về Sổ hộ khẩu giả mang số seri: 035611483, bị cáo tiếp tục bỏ địa phương rồi đi đến nhà anh C ở tỉnh Đồng Nai. Do bị anh C và gia đình anh C hỏi thúc về việc bị cáo làm giấy tờ N thân, để làm giấy khai sinh cho cháu Kha Thanh Dnên vào ngày 23/11/2019 bị cáo đi xe khách từ tỉnh Đồng Nai về tỉnh Cà Mau. Đến khoảng trưa ngày 24/11/2019 bị cáo tiếp tục sử dụng cách thức tìm trang Web làm các giấy tờ giả như những lần làm giấy tờ giả trước đây.

Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/11/2019, khi bị cáo đang ở bến xe Miền Tây thì có người nam (không rõ N thân lý lịch) liên lạc qua số điện Thoại của bị cáo và đến đưa cho bị cáo một Sổ hộ khẩu mang số seri: 540076739, có đóng

con dấu tròn đỏ có chữ “☆ CÔNG AN T.BẠC LIÊU ☆ CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM ☆” ; có chữ ký tên của Trưởng Công an tỉnh Bạc Liêu Đại úy Trần Thái M; có chữ ký của cán bộ đăng ký Nguyễn Công V. Còn phần thông tin tên chủ hộ thì được bỏ trống và kêu bị cáo tự điền thông tin còn trống. Bị cáo nhận Sổ hộ khẩu và trả số tiền 4.300.000 đồng. Sau đó bị cáo tiếp tục đợi đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì có người thanh niên liên lạc qua số điện Thoại của bị cáo và đến đưa cho bị cáo một Giấy chứng sinh có đóng con dấu màu đỏ “BỆNH VIỆN TỪ DŨ ☆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ☆ SỞ Y TẾ ☆”; có chữ ký của Giám đốc Lương Thị Kim Cúc; có chữ ký của người ghi phiếu là BSCK I. Ngô Thùy H.

Ngoài ra, người này còn giao cho bị cáo T một giấy xác nhận tình trạng hôn N, nội dung xác nhận Nguyễn Thị Kim N hiện đang sống độc thân; trong giấy này đã có đầy đủ thông tin đánh máy; có chữ ký và đóng con dấu màu đỏ của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Khi đã kiểm tra xong, bị cáo nhận 02 giấy này và trả cho người này 500.000 đồng. Do phần thông tin trong các giấy tờ giả chưa được ghi vào nên bị cáo đã tự ghi thông tin vào từng mục bỏ trống trong Sổ hộ khẩu và Giấy chứng sinh.

Đến khoảng 17 giờ ngày 25/11/2019 bị cáo về đến nhà anh C và đưa cho anh C và bà Lê Thị A (là mẹ ruột của anh C) các Giấy tờ giả gồm Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Kim N, Sổ hộ khẩu, Giấy chứng sinh, Giấy xác nhận tình trạng hôn N (anh C và bà A không biết những giấy tờ này là giả). Sau đó bà A dùng các Giấy tờ này làm Giấy khai sinh cho Kha Thanh D, đến ngày 29/11/2019, UBND xã Long Phước đã cấp Giấy khai sinh số 564 cho Kha Thanh D. Bà A đưa lại cho bị cáo Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy xác nhận tình trạng hôn N còn Giấy chứng sinh được lưu vào trong hồ sơ làm Giấy khai sinh của Kha Thanh D tại UBND xã L.

Đến ngày 02/12/2019 bị cáo đã xé bỏ bản chính Giấy xác nhận tình trạng độc thân. Ngày 11/02/2020 bị cáo sử dụng Giấy chứng minh N dân và Sổ hộ khẩu giả để xin việc tại Công ty C tại Khu Công nghiệp T, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 12/6/2020 bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Bản Kết luận giám định số: 110/GD-2019, ngày 04/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận: Phôi “SỔ HỘ KHẨU” số 035611483 là giả; chữ viết trong “SỔ HỘ KHẨU” tài liệu cần giám định và chữ viết đứng tên Trần Thị T, sinh năm 1988 trên các tài liệu mẫu số sA là do một người viết ra và hình dấu tròn màu đỏ trong “SỔ HỘ KHẨU” tài liệu cần giám định so với hình dấu tròn màu đỏ trên mẫu số sA không cùng con dấu đóng ra.

Bản Kết luận giám định số: 100/GD - 2020 ngày 28/9/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu đối với: Chữ viết, chữ ký, hình dấu của Sổ hộ khẩu mang số seri: 540076739 và Giấy chứng minh nhân dân, kết luận giám định như sau: Phôi “SỔ HỘ KHẨU”, số: 540076739, Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Thị Kim N, Nơi thường trú: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, đề ngày 18/8/2019, kí hiệu A1 là phôi giả; Phôi “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN”, số: 385299037, mang tên: Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày: 15/11/1993, Nơi ĐKKH thường trú: Ấp L, A, Đ, Bạc Liêu, đề ngày 12/11/2018, kí hiệu A2 là phôi giả;

Hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM CÔNG AN T. BẠC LIÊU” trên “SỔ HỘ KHẨU”, Số: 540076739, Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Thị Kim N, Nơi thường trú: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, đề ngày 18/8/2019, kí hiệu A1 so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu so sA kí hiệu M3 không phải do cùng một con dấu đóng ra; Hình dấu tròn có nội dung “C H X H C N VIỆT NAM CÔNG AN TỈNH BẠC LIÊU ” trên “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN”, số: 385299037, mang tên: Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày: 15/11/1993, Nơi ĐKKH thường trú: Ấp L, A, Đ, Bạc Liêu, đề ngày 12/11/2018, kí hiệu A2 so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu so sA kí hiệu M4 không phải do cùng một con dấu đóng ra; Hình dấu tròn có nội dung “SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH BỆNH VIỆN TỪ DŨ” trên “GIẤY CHỨNG SINH”, Số: 066638, Họ và tên mẹ/ Người nuôi dưỡng: Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1993, Nơi đăng ký thường trú: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, đề ngày 31/8/2018, kí hiệu A3 so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu so sA kí hiệu M5 không phải do cùng một con dấu đóng ra; Dấu chữ ký mang tên Lê Tấn Tới trên “GIẤY CHỨNG MINH N DÂN”, số: 385299037, mang tên: Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày: 15/11/1993, Nơi ĐKKH thường trú: Ấp L, A, Đ, Bạc Liêu, đề ngày 12/11/2018, kí hiệu A2 so với chữ ký của Lê Tấn Tới trên tài liệu kí hiệu M4 không phải do cùng một con dấu đóng ra; Chữ viết trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A3 so với chữ viết trên tài liệu mẫu so sA kí hiệu M6, M7, M8 do cùng một người viết ra; Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Thị Kim N trên tài liệu cần giám định kí hiệu A3 so với chữ ký Nguyễn Thị Kim N trên tài liệu mẫu so sA kí hiệu M9 có phải do cùng một người ký ra hay không.

Bản Kết luận giám định số: 113/GD - 2020 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu đối với đường vân kết luận giám định như sau:

Điểm chỉ vân tay ngón “Trỏ phải” in trên “Biên bản V/v thu dấu vân tay của bị can Trần Thị T” đề ngày 27/8/2020, kí hiệu A so với điểm chỉ vân tay in dưới mục “Ngón trỏ phải” trên “TỜ KHAI CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số: 385789968; Họ tên: Trần Thị T; Sinh ngày: 6/6/1988 tại ấp Long Phú; Nguyên quán: Xã A, huyện Đ, BLiêu; Nơi ĐKKH thường trú: Ấp L – xã A, huyện Đ – tỉnh Bạc Liêu, kí hiệu M là do cùng một ngón in ra.

Điểm chỉ vân tay ngón “Trỏ trái” in trên “Biên bản V/v thu dấu vân tay của bị can Trần Thị T” đề ngày 27/8/2020, kí hiệu A so với điểm chỉ vân tay in dưới mục “Ngón trỏ trái” trên “TỜ KHAI CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số: 385789968; Họ tên: Trần Thị T; Sinh ngày: 6/6/1988 tại ấp Long Phú; Nguyên quán: Xã A, huyện Đ, BLiêu; Nơi ĐKKH thường trú: Ấp L – xã A, huyện Đ – tỉnh Bạc Liêu, kí hiệu M là do cùng một ngón in ra.

Công văn số: 82/UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban N dân xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xác định: “Vào ngày 25/11/2019, UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu không có cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn N số: 65/UBND – XNTTHN, ngày 25/11/2019 cho đương sự tên: Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/11/1993. Tại thời điểm ngày 25/11/2019, ông Tô Minh Đ không phải là Phó Chủ tịch

UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và bà Lê Thị Hồng T cũng không phải là công chức Tư pháp – Hộ tịch của UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu”.

Công văn số: 2677/UBND ngày 21/9/2020 của Ủy ban N dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xác định: “Thẩm quyền cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam thuộc Ủy ban nhân dân xã theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. Do đó, ngày 25/11/2019, ông Tô Minh Đương – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ không ký cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho Nguyễn Thị Kim N (sinh ngày 15/11/1993; Giấy CMND số: 385299037, do Công an tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 12/11/2018; nơi cư trú: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu). Qua đối chiếu chữ ký của người ký cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 65/UBND – XNTTHN ngày 25/11/2019 cho Nguyễn Thị Kim N, chữ ký này không đúng với chữ ký của ông Tô Minh Đ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ sử dụng để ký văn bản thuộc thẩm quyền được giao cũng như chữ ký đã đăng ký đến cơ quan ngoại giao để ký giấy tờ hộ tịch theo quy định”.

Về vật chứng, tài liệu, đồ vật tạm giữ của vụ án bao gồm các tài liệu, giấy tờ của các cơ quan, cá N liên quan và các tài liệu, giấy tờ giả mang tên Nguyễn Thị Kim N, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã đưa vào hồ sơ vụ án và trả lại cho các cơ quan, cá nhân liên quan theo quy định. Đối với Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (bản photocopy) và Giấy chứng sinh Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành thu tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai đã được đưa vào hồ sơ vụ án.

Đối với điện Thoại di động nhãn hiệu OPPO của bị cáo Trần Thị T đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tạm giữ; kiểm tra xong và trao trả lại cho bị cáo T.

Cáo trạng số: 56/CT-VKS-KSĐT, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát N dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo Trần Thị T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng, đồng thời phân tích nguyên N, điều kiện phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 341; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Về án phí: Bị cáo Trần Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Kha Thanh C và bà Lê Thị A. Xét thấy, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của họ, việc vắng mặt họ không cản trở cho việc xét xử, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3]. Xét lời khai nhận của bị cáo Trần Thị T tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trần Thị T là người đã có chồng, con sinh sống tại xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nhưng vì để che dấu thân phận và muốn được kết hôn với Kha Thanh C là người đang C sống như vợ chồng; bị cáo tự tạo cho mình một con người khác mang tên Nguyễn Thị Kim N rồi làm Giấy khai sinh cho con của bị cáo và anh Kha Thanh C là Kha Thanh D và đi xin việc làm nên trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2018 đến ngày 25/11/2019 bị cáo đã nhiều lần làm nhiều giấy tờ giả cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 10 đến tháng 11/2018 làm giả một Giấy chứng minh N dân mang số: 385299037, họ tên: Nguyễn Thị Kim N; sinh ngày 15/11/1993, nguyên quán: Bạc Liêu; nơi đăng ký thường trú Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, do Giám đốc Công an tỉnh Bạc Liêu Lê Tấn T ký cấp ngày 12/11/2018.

Lần thứ hai: Vào ngày 18/8/2019 làm giả một Sổ hộ khẩu mang số seri: 035611483, chủ hộ Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/11/1993, nơi thường trú Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu có đóng con dấu tròn đỏ của Công an xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; có chữ ký của Phó trưởng Công an xã A là Nguyễn Văn Hoàng và chữ ký của cán bộ đăng ký là Nguyễn Lê Bích. Ngày ký cấp: ngày 11/8/2019.

Lần thứ ba: Trong cùng ngày 25/11/2019 làm giả ba giấy tờ gồm: Một Sổ hộ khẩu số 540076739, họ và tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/11/1993; nguyên quán và nơi cư trú Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu do Trưởng Công an tỉnh Bạc Liêu Đại úy Trần Thái M ký ngày 18/8/2019; một Giấy chứng sinh số: 066638; quyền số 18/109 do Giám đốc Bệnh viện T Thành phố Hồ Chí Minh là Lương Thị Kim C ký cấp ngày 31/8/2018 và một Giấy xác nhận tình trạng hôn N số: 65/UBND-XNTTHN, ngày 25/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[4]. Bản Kết luận giám định số: 110/GD-2019, ngày 04/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận: Phôi “SỔ HỘ KHẨU”

số 035611483 là giả; chữ viết trong “SỔ HỘ KHẨU” tài liệu cần giám định và chữ viết đúng tên Trần Thị T, sinh năm 1988 trên các tài liệu mẫu so sA là do một người viết ra và hình dấu tròn màu đỏ trong “SỔ HỘ KHẨU” tài liệu cần giám định so với hình dấu tròn màu đỏ trên mẫu so sA không cùng con dấu đóng ra.

Bản Kết luận giám định số: 100/GD - 2020 ngày 28/9/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu đối với: Chữ viết, chữ ký, hình dấu của Sổ hộ khẩu mang số seri: 540076739 và Giấy chứng minh nhân dân, kết luận giám định như sau:

- Phôi “SỔ HỘ KHẨU”, số: 540076739, Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Thị Kim N, Nơi thường trú: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, đề ngày 18/8/2019, kí hiệu A1 là phôi giả.

- Phôi “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN”, số: 385299037, mang tên: Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày: 15/11/1993, Nơi ĐKKH thường trú: Ấp L, A, Đ, Bạc Liêu, đề ngày 12/11/2018, kí hiệu A2 là phôi giả.

- Hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM CÔNG AN T. BẠC LIÊU” trên “SỔ HỘ KHẨU”, Số: 540076739, Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Thị Kim N, Nơi thường trú: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, đề ngày 18/8/2019, kí hiệu A1 so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu so sA kí hiệu M3 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “C H X H C N VIỆT NAM CÔNG AN TỈNH BẠC LIÊU ” trên “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN”, số: 385299037, mang tên: Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày: 15/11/1993, Nơi ĐKKH thường trú: Ấp L, A, Đ, Bạc Liêu, đề ngày 12/11/2018, kí hiệu A2 so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu so sA kí hiệu M4 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH BỆNH VIỆN T” trên “GIẤY CHỨNG SINH”, Số: 066638, Họ và tên mẹ/ Người nuôi dưỡng: Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1993, Nơi đăng ký thường trú: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, đề ngày 31/8/2018, kí hiệu A3 so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu so sA kí hiệu M5 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Dấu chữ ký mang tên Lê Tấn T trên “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN”, số: 385299037, mang tên: Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày: 15/11/1993, Nơi ĐKKH thường trú: Ấp L, A, Đ, Bạc Liêu, đề ngày 12/11/2018, kí hiệu A2 so với chữ ký của Lê Tấn T trên tài liệu kí hiệu M4 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ viết trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A3 so với chữ viết trên tài liệu mẫu so sA kí hiệu M6, M7, M8 do cùng một người viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Thị Kim N trên tài liệu cần giám định kí hiệu A3 so với chữ ký Nguyễn Thị Kim N trên tài liệu mẫu so sA kí hiệu M9 có phải do cùng một người ký ra hay không.

Bản Kết luận giám định số: 113/GD - 2020 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu đối với đường vân kết luận giám định như sau:



- Điểm chỉ vân tay ngón “Trỏ phải” in trên “Biên bản V/v thu dấu vân tay của bị can Trần Thị T” đề ngày 27/8/2020, kí hiệu A so với điểm chỉ vân tay in dưới mục “Ngón trỏ phải” trên “TỜ KHAI CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số: 385789968; Họ tên: Trần Thị T; Sinh ngày: 6/6/1988 tại ấp L; Nguyên quán: Xã A, huyện Đ, BLiêu; Nơi ĐKKH thường trú: Ấp L – xã A, huyện Đ – tỉnh Bạc Liêu, kí hiệu M là do cùng một ngón in ra.

- Điểm chỉ vân tay ngón “Trỏ trái” in trên “Biên bản V/v thu dấu vân tay của bị can Trần Thị T” đề ngày 27/8/2020, kí hiệu A so với điểm chỉ vân tay in dưới mục “Ngón trỏ trái” trên “TỜ KHAI CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số: 385789968; Họ tên: Trần Thị T; Sinh ngày: 6/6/1988 tại ấp Long Phú; Nguyên quán: Xã A, huyện Đ, BLiêu; Nơi ĐKKH thường trú: Ấp L – xã A, huyện Đ – tỉnh Bạc Liêu, kí hiệu M là do cùng một ngón in ra.

Công văn số: 82/UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban N dân xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xác định: “Vào ngày 25/11/2019, UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu không có cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn N số: 65/UBND – XNTTHN, ngày 25/11/2019 cho đương sự tên: Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/11/1993. Tại thời điểm ngày 25/11/2019, ông Tô Minh Đương không phải là Phó Chủ tịch UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và bà Lê Thị Hồng T cũng không phải là công chức Tư pháp – Hộ tịch của UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu”.

Công văn số: 2677/UBND ngày 21/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xác định: “Thẩm quyền cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam thuộc Ủy ban nhân dân xã theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. Do đó, ngày 25/11/2019, ông Tô Minh Đ – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ không ký cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho Nguyễn Thị Kim N (sinh ngày 15/11/1993; Giấy CMND số: 385299037, do Công an tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 12/11/2018; nơi cư trú: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu). Qua đối chiếu chữ ký của người ký cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 65/UBND – XNTTHN ngày 25/11/2019 cho Nguyễn Thị Kim N, chữ ký này không đúng với chữ ký của ông Tô Minh Đ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ sử dụng để ký văn bản thuộc thẩm quyền được giao cũng như chữ ký đã đăng ký đến cơ quan ngoại giao để ký giấy tờ hộ tịch theo quy định”.

[5]. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Trần Thị T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[6]. Bị cáo Trần Thị T là người đã thành niên, có đầy đủ khả năng để nhận thức hành vi đặt mua trên mạng internet thông qua Google 05 loại giấy tờ giả như: Sổ hộ khẩu (02 sổ), Giấy chứng minh nhân dân, Giấy chứng sinh và Giấy chứng nhận độc thân là vi phạm pháp luật; xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước, tổ chức và xâm phạm sự hoạt động bình thường, đúng đắn và uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Mặc dù, bị cáo Trần Thị T không trực tiếp làm

ra 05 loại giấy tờ giả nêu trên, nhưng bị cáo đã đặt mua của người khác làm 05 loại giấy tờ giả nêu trên nên hành vi của bị cáo đã đồng phạm với những người trực tiếp làm giả 05 loại giấy tờ giả này với những thông tin do bị cáo cung cấp. Do đó, hành vi của bị cáo Trần Thị T là làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

[7]. Với những phân tích trên, xét thấy hành vi trái pháp luật của bị cáo Trần Thị T cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa C cho xã hội.

[8]. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ông bà nội, ông bà ngoại của bị cáo có công với cách mạng được tặng huân huy chương kháng chiến theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời, hiện tại bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[9]. Về vật chứng, tài liệu, đồ vật tạm giữ của vụ án bao gồm các tài liệu, giấy tờ của các cơ quan, cá nhân liên quan và các tài liệu, giấy tờ giả mang tên Nguyễn Thị Kim N, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã đưa vào hồ sơ vụ án và trả lại cho các cơ quan, cá nhân liên quan theo quy định. Đối với Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (bản photocopy) và Giấy chứng sinh Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành thu tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai đã được đưa vào hồ sơ vụ án là đúng theo quy định. Đối với điện Thoại di động nhãn hiệu OPPO của bị cáo Trần Thị T đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tạm giữ; kiểm tra xong và trao trả lại cho bị cáo T. Xét thấy, đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan điều tra đã giao trả cho bị cáo là có căn cứ.

[10] Đối với anh Kha Thanh C và bà Lê Thị A không biết việc bị cáo Trần Thị T làm giả các giấy tờ trên nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với hành vi bị cáo Trần Thị T sử dụng các giấy tờ giả là sổ hộ khẩu, giấy chứng sinh, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để làm Giấy khai sinh cho con là Kha Thanh D; sử dụng sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân xin việc làm tại Công ty C tại Khu Công nghiệp T, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai không nhằm thực hiện hành vi trái pháp luật nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với hành vi này là có căn cứ.

Đối với những đối tượng đã làm giả giấy Sổ hộ khẩu số 035644783, sử dụng số điện Thoại 0904.552.700 và số điện Thoại 0934.171.341 theo cung cấp của trung tâm tính cước và thanh khoản Mobifone, địa chỉ, phường D, quận Cy, Thành phố Hà Nội xác định: Chủ thuê bao số điện Thoại: 0904552700 tên là Ngô Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 04/9/1996, ngụ ấp T Tân, xã Xuân T, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Ngày nhập mạng: 22/5/2018. Số giấy Chứng minh nhân dân: 272490959. Ngày cấp: 04/7/2014. Nơi cấp Giấy CMND: Đồng Nai. Chủ thuê bao số điện Thoại: 0934171341 tên là Lê Trần Thúy P, sinh ngày 20/10/1996, có hộ khẩu thường trú:

Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày nhập mạng: 23/8/2018. Số giấy Chứng minh nhân dân: 025483722. Ngày cấp: 27/7/2011. Nơi cấp Giấy CMND: Hồ Chí Minh. Hai số thuê bao này đều có liên hệ với bị cáo Trần Thị T theo đúng như lời khai của bị cáo Trần Thị T. Cơ quan điều tra đã có Quyết định ủy thác điều tra đến cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X, tỉnh Đồng Nai và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành điều tra làm rõ, đến nay chưa có kết quả nên khi nào có kết quả Cơ quan điều tra tiếp tục xử lý là có căn cứ.

Đối với những đối tượng khác nhận làm giả các loại giấy tờ của bị cáo T do bị cáo T không xác định được là ai; Cơ quan điều tra không xác định được N thân lý lịch nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với giấy khai sinh số 564, mang tên Kha Thanh D, sinh ngày 21/8/2018; họ tên mẹ: Nguyễn Thị Kim N; họ tên cha: Kha Thanh C; đăng ký ngày 29/11/2019 tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Do họ tên người mẹ của Kha Thanh D trong giấy khai sinh này là Nguyễn Thị Kim N là tên giả, do đó giấy khai sinh của Kha Thanh D là không đúng quy định của pháp luật nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã có công văn đề nghị UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định huỷ bỏ giấy khai sinh trên là có căn cứ.

Đối với hành vi C sống như vợ chồng của bị cáo Trần Thị T với anh Kha Thanh C vi phạm chế độ một vợ một chồng khi chưa ly hôn. Do cả hai chưa bị xử lý hành chính về hành vi này nên Cơ quan điều tra đã thông tin đến xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

[11]. Xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các vấn đề khác có liên quan trong vụ án là có căn cứ được chấp nhận. Đối với mức hình phạt, như đã phân tích ở trên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hiện tại đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nên chỉ cần áp dụng mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[12]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị T (sử dụng họ tên giả Nguyễn Thị Kim N) phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ các điểm b, c khoản 2 Điều 341; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Thị T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2020 đến ngày 11/8/2020.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Thị T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- CQ Điều tra huyện Đ;
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Tăng Giàu**